TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 190/2017/HNGĐ-ST
Ngày 14 -8- 2017
"V/v xin ly hôn, con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Điệp.

2. Ông Nguyễn Văn Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2017 về việc "Ly hôn, con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án xét xử số 312/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Bà **Võ Bích T**, sinh năm 1997(có mặt).*

Trú tại: Ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích N** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).*

- *Bị đơn: Ông **Phạm Quốc T**, sinh năm 1991 (vắng mặt).*

Trú tại: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2017 và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Võ Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Võ Bích T và ông Phạm Quốc T thành hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Qua thời gian chung sống, bà T, ông T sống không hòa hợp, ông T thường hay nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà T khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông T vẫn không sửa đổi, bà T về sống bên cha mẹ ruột tháng 03 năm 2017 đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Võ Bích T và ông Phạm Quốc T có 01 con chung tên Phạm Quốc T, sinh ngày 25/02/2015, bà T đang nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/ 2017 bị đơn ông Phạm Quốc T trình bày:

Ông T thừa nhận lời trình bày của bà T về hôn nhân, con chung là đúng. Do điều kiện vợ chồng đi làm công nhân nên không có đăng ký kết hôn. Ông T và bà T không có mâu thuẫn gì lớn, ông T chỉ có nhậu nhẹt nhưng không có quậy quạn gì nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp ly hôn thì con chung là Phạm Quốc T, sinh ngày 25/02/2015 đồng ý giao cho bà T nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Phạm Quốc T có nơi cư trú tại huyện T, nguyên đơn bà Võ Bích T khởi kiện xin ly hôn với ông T, nên Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về tố tụng: Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2017 ông Phạm Quốc T xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định.

[3] Xét về hôn nhân: Bà Võ Bích T và ông Phạm Quốc T thành hôn với nhau năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do đó pháp luật không công nhận mối quan hệ giữa bà Võ Bích T và ông Phạm Quốc T là vợ chồng.

[4] Xét về con chung: Bà Võ Bích T và ông Phạm Quốc T có 01 con chung tên Phạm Quốc T, sinh ngày 25/02/2015. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2017 ông T cũng đồng ý giao con cho bà T nuôi. Xét thấy sự thỏa thuận về con chung giữa các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và thực tế cháu Phạm Quốc T còn nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của bà T. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Phạm Quốc T sinh ngày 25/02/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị không công nhận mối quan hệ giữa bà Võ Bích T và ông Phạm Quốc T là vợ chồng; đề nghị giao cháu Phạm Quốc T cho bà Tuyền trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Bích T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Võ Bích T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Võ Bích T và ông Phạm Quốc T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 25/02/2015 cho bà Võ Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, ông T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Võ Bích T phải chịu 300.000 đồng. Bà Võ Bích T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007160 ngày 11/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Võ Minh Luân